

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/DS-ST

Ngày: 12-8-2020.

“V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự
hội”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Phụng.
2. Ông Trần Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Ngày 12/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2020/TLST-DS, ngày 13/3/2020 về việc “tranh chấp về hợp đồng dân sự - hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2020/QĐXXST-DS ngày 14/7/2020 và quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 139/QĐST-DS ngày 30/7/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số nhà a, tổ b, Khóm c, Phường d, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Võ Thị Hồng N, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Số nhà x, tổ y, Khóm z, Phường t, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thu V trình bày: Bà N có tham gia hội do bà V làm chủ hội, đây hội 2.000.000đồng/tháng, mở ngày 14/6/2017 (nhằm ngày 20/5/2017 âm lịch) và kết thúc ngày 14/5/2019, gồm 24 hội viên, trong đó bà N tham gia 05 chân hội.

+ Chân thứ 01: bà N hốt hụi ngày 20/7/2017 (al), số tiền hốt được là 30.000.000đồng.

+ Chân thứ 02: bà N hốt ngày 20/3/2018 (al), số tiền hốt được là 36.200.000đồng.

+ Chân thứ 03: bà N hốt ngày 20/5/2018 (al), số tiền hốt được là 38.050.000đồng.

+ Chân thứ 04: bà N hốt ngày 20/7/2018 (al), số tiền hốt được là 40.540.000đồng.

Đến hết tháng 09/2018, bà N không đóng hụi cho bà V. Đến tháng 10/2018 (âm lịch), bà V đã hốt chân hụi còn lại của bà N, sau khi trừ các khoản tiền còn nợ bà N còn dư 23.000.000đồng. Số tiền dư đó bà N phải đóng lại cho bà V 05 tháng hụi chết đến khi mãn hụi (ngày 20/3/2019) là 50.000.000đồng. Vậy, bà N còn thiếu 27.000.000 đồng. Do bà N không có khả năng trả nên bà N xin được góp mỗi tháng 3.000.000đồng. Bà N chỉ góp (trả) được 20.000.000đồng:

+ Tháng 01/2019: 5.500.000đồng

+ Tháng 02/2019: 3.000.000đồng

+ Tháng 3/2019: 3.000.000đồng

+ Tháng 4/2019: 2.500.000đồng

+ Tháng 5/2019: 2.000.000đồng

+ Tháng 6/2019: 2.000.000đồng (do người nhà nhận thay)

+ Tháng 8/2019: 2.000.000đồng (do người nhà nhận thay)

Tính đến nay bà N còn nợ 7.000.000 đồng. Bà V yêu cầu bà N trả tiền nhưng bà N không chịu trả. Nay bà Nguyễn Thị Thu V yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị Hồng N trả số tiền 7.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Võ Thị Hồng N nhưng bà N vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự hụi. Bị đơn bà Võ Thị Hồng N có địa chỉ tại Phường 11, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bà Võ Thị Hồng N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V yêu cầu bà Võ Thị Hồng N trả nợ hui cho bà V tiền nợ gốc là 7.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Căn cứ vào biên nhận ngày 25/5/2018, bà Võ Thị Hồng N (Võ Thị Nhung) có nợ bà V 03 phần hui chết trong dây hui 2.000.000 đồng/tháng do bà V làm chủ hui và hứa trả tiền hui chết cho bà V là 6.000.000 đồng/ tháng, trả trong 10 tháng. Ngày 25/7/2018, bà N tiếp tục làm biên nhận hứa trả tiền hui chết hàng tháng cho bà V vào ngày 25 âm lịch hàng tháng và còn nợ 08 tháng hui chết. Căn cứ tờ tường trình ngày 30/3/2020, bà Võ Thị Hồng N thừa nhận có nợ bà V tổng số tiền hui chết là 11.000.000 đồng, đã trả cho bà 8.000.000 đồng, trong đó giao tiền trực tiếp cho bà V 2.000.000 đồng x 2 lần = 4.000.000 đồng, giao cho mẹ bà V một lần với số tiền 2.000.000 đồng và giao cho em của bà V một lần với số tiền 2.000.000 đồng; bà V chỉ thừa nhận có nhận số tiền 4.000.000 đồng do bà N trực tiếp giao cho bà V, còn số tiền 4.000.000 đồng bà N cho rằng giao cho mẹ và em của bà V thì bà V không thừa nhận. Tại phiên tòa hôm nay, bà V yêu cầu bà N trả số tiền hui là 7.000.000 đồng và thừa nhận trong số tiền 20.000.000 đồng bà N đã trả cho bà có 2.000.000 đồng do mẹ bà V nhận thay vào tháng 6/2019 và 2.000.000 đồng do em bà V nhận thay vào tháng 8/2019, mẹ và em của bà N đã nhận tiền và giao lại cho bà nên không yêu cầu đưa mẹ và em bà V tham gia tố tụng. Tòa án đã thông báo cho bà N cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh còn nợ bà V số tiền 3.000.000 đồng nhưng bà N không có cung cấp và vắng mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ nên chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: Theo đơn khởi kiện, bà V yêu cầu bà N trả tiền lãi cụ thể: Lãi suất 2%/tháng, tính từ tháng 3/2019 âm lịch là 10 tháng: 1.400.000đồng. Tại phiên tòa, bà V không yêu cầu bà N trả tiền lãi. Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện của bà V là không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

[4] Án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V nên bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 350.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 3, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, biểu, phùng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V.

Buộc bà Võ Thị Hồng N có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thu V số tiền 7.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Hồng N phải chịu 350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thu V được nhận tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001579 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị Thu V có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Võ Thị Hồng N có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Chi cục THADS TP. Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh